

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+TGT+H4+HSD	7:25	14+3+5	0+0+0		10+3+5	0+0+0	
2		P3+AMD	7:25	9+13	0+0		0+12	0+0	
3		PPD	7:25	21	0		20	0	
4		T.UNG	7:25	15	0		14	0	
5		AMD+BK19+TD5	9:25	13+4+3	0+0+0		4+0+3	0+0+0	
6		CTK3	9:25	20	0		0	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/02/2024	TO: AMD - TGTH4 - HSD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - Toàn	ETA: 09:20
XANH-I			

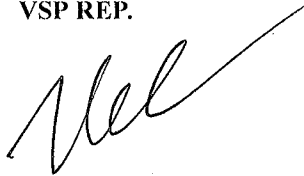
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	RAHID KERSI MIRZA	AMD	08	1	3	15	78	BAB	Indian
2	SUHAIDI BIN SAMIRAN	AMD	12-13	2	15		82	BAB	Malaysian
3	DUONG NHAT QUANG	AMD	05	1	5		64	BAB	Vietnamese
4	LA NGOC HOAN	AMD	14	1	10		72	HLJOC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC TAN	AMD	18	1	7		75	TLJOC	Vietnamese
6	THAN CANH THINH	AMD	19-20	2	14		76	TLJOC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN HIEU	AMD	10-11	2	14		87	TLJOC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN THIN	AMD	09	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO DUC CUONG	AMD	02	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH DUY	AMD	03	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO SY KHOI	AMD	04	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM VAN LAM	AMD	06-07	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN SANH	AMD	01	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
14	DOAN VAN DUNG	AMD	15-16	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese
15	CHU DUC CHI	TGTH4	74	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	75-76	2	14		90	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN VAN TRONG	TGTH4	77	1	4		63	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TRUNG	HSD	66	1	4	20	75	KH-THAC	Vietnamese
19	DO THE THANH	HSD	70	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM TUAN CHUNG	HSD	68	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
21	CONG DUC MINH TRI	HSD	67	1	11		81	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN CAO TANG	HSD	65	1	4		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	19	125	1.038	15	10		
2	TGTH4	3	4	27	225	0	3		
3	HSD	5	5	39	364	20	5		
TOTAL		22	28	191	1.627	35	18		
WEIGHT KG				191	1.627	35			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P3 - AMD	CREW: Linh - N.ANH - Huy	ETA: 09:25
cam-1			

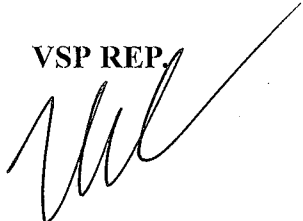
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI TRỌNG NHÂN	P3	16-17	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ HỒNG DƯƠNG	P3	18-19	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI NGỌC HOÀNG	P3	23-24	2	17		52	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ANH	P3	28-29	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CHU	P3	26	1	7	10	60	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN LAM	P3	25	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN LÂM	P3	30-31	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ TUẤN ANH	P3	21-22	2	18		76	XAYLAP	Vietnamese
9	MAI MINH TIẾN	P3	20	1	10		70	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG TRUNG KIẾN	AMD	44-45	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TRI TRUNG	AMD	47	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG THÈ KHAI	AMD	48	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUỐC HUY	AMD	49	1	9		90	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VĂN TRƯỞNG	AMD	50	1	4	70	65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ THANH TÂN	AMD	46	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HIỀN	AMD	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG LONG	AMD	56-57	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	AMD	58-59	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	AMD	55	1	3		75	PSV	Vietnamese
21	HỒ ĐỨC VIỆT	AMD	51	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN LÂM THẮNG	AMD	53	1	4		83	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

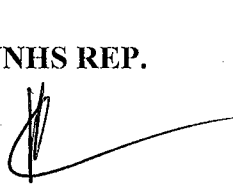
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	9	15	133	603	10	0		
2	AMD	13	16	85	919	70	12		
TOTAL		22	31	218	1.522	80	12		
WEIGHT KG				218	1.522	80			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

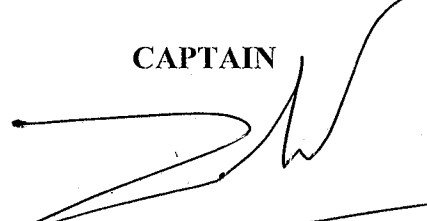
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

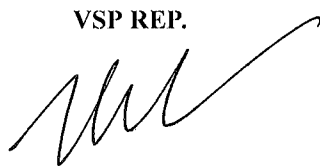
DATE: 19/02/2024	TO: PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - TĐông - HTNam -	ETA: 09:30
VANG-1		THỤ	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN SƠN HẢI	PPD	01	1	3		75	KHI	Vietnamese
2	TRÌNH VĂN NHÀ	PPD	05-06	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔ QUỐC THỊNH	PPD	12	1	11		57	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI NANG PHONG	PPD	11	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT TIẾN	PPD	14-15	2	8		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CAO CUÔNG	PPD					67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	04	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VĂN ĐÀO	PPD	22	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	07-08	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG HUY	PPD	09	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					71	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM LÊ DƯƠNG	PPD	18-19	2	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	BIỆN MINH SƠN	PPD	02	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	200	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THANH TRI	PPD	21	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	16-17	2	11		61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG DŨNG	PPD	13	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN TIẾN ĐẠT	PPD	20,23	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC KHANG	PPD	10	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN VIỆT	PPD	24-25	2	20		83	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG MINH QUÂN	PPD	03	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	26	132	1.502	0	20		
	TOTAL	21	26	132	1.502	0	20		
	WEIGHT KG			132	1.502	0			

GRAND TOAL: 1.634 KGS

VSP REP.


VNH REP.


CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	TO: T.UNG	CREW: ĐTrung - LTuấn	ETA: 11:00
TRANG-1			

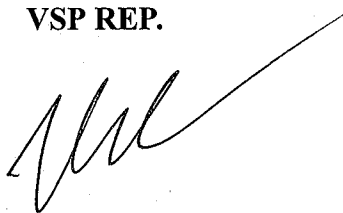
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY TUẤN	T.UNG	42	1	7	70	79	PVEP ITC	Vietnamese
2	HUYNH HIẾU NGHĨA	T.UNG	36	1	11		80	PVEP ITC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	T.UNG	37	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
4	FERDORCHENKO VIKTOR	T.UNG	38-39	2	9		84	KH-THAC	Russian
5	PHẠM QUANG QUÝ	T.UNG	35	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	DUƠNG VĂN MẠNH	T.UNG	43-44	2	7		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN BÁC	T.UNG	47	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯƠNG VĂN LƯƠNG	T.UNG	46	1	9		97	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	50	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BÁC	T.UNG	45	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	40-41	2	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI TRONG HUNG	T.UNG	34	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HAI	T.UNG	49	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐÌNH THĂNG	T.UNG	48	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG HUY	T.UNG	51	1	12		62	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	15	18	98	1.044	70	14		
TOTAL		15	18	98	1.044	70	14		
WEIGHT KG				98	1.044	70			

GRAND TOAL: 1.212 KGS

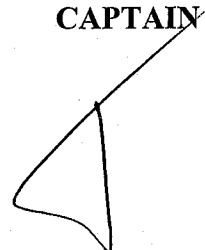
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/02/2024	TO: AMD - BK19 - TD5	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Linh - N.ANH - Huy	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	AMD	22	1	10		70	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG PHÚC PHI	AMD	26	1	10		70	HA VIỆT	Vietnamese
3	LÊ VĂN TÍNH	AMD	24	1	8		70	HA VIỆT	Vietnamese
4	TRẦN TUẤN VŨ	AMD	27	1	5		65	HA VIỆT	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠU THÔNG	AMD	36	1	10		83	HA VIỆT	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC TUẤN	AMD	29	1	10		70	HA VIỆT	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TUẤN	AMD	25	1	10		70	HA VIỆT	Vietnamese
8	TRỊNH NGỌC HÙNG	AMD	23	1	10		63	HA VIỆT	Vietnamese
9	LÊ TRỌNG NGHĨA	AMD	30-31	2	12		67	HA VIỆT	Vietnamese
10	VÕ VĂN KHÔI	AMD	32-33	2	10		72	HA VIỆT	Vietnamese
11	LÊ VĂN QUÂN	AMD	35	1	5		63	HA VIỆT	Vietnamese
12	NGUYỄN TÂN PHỤNG	AMD	344	1	10		70	HA VIỆT	Vietnamese
13	MAI VĂN MINH	AMD	28	1	10		70	HA VIỆT	Vietnamese
14	ĐẶNG THĂNG LONG	BK19	56-57	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC HÙNG	BK19	62	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU TRƯỞNG	BK19	59	1	12	60	75	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU TUẤN	BK19	60-61	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
18	KARIMOV TAGIR G.	TD5	63	1	1		90	D-HANH	Russian
19	PHẠM HAI LONG	TD5	64	1	5		90	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NAM	TD5	65-66	2	19		68	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	15	120	903	0	4		
2	BK19	4	6	56	285	60	0		
3	TD5	3	4	25	248	0	3		
TOTAL		20	25	201	1.436	60	7		
WEIGHT KG				201	1.436	60			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

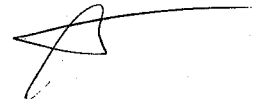
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: CTK3	CREW: VThắng - Sơn - Toàn	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NGỌC CÀNH	CTK3	67-68	2	19	36	82	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ VĂN DŨNG	CTK3	66	1	7		67	CODIEN	Vietnamese
3	ĐẶNG NGỌC CUƠNG	CTK3	71	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	CTK3	72-73	2	20		85	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI ĐÌNH NGỌC	CTK3	96	1	15		50	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VĂN BA	CTK3	97-98	2	16	11	70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU CHÍNH	CTK3	76-77	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG TUẤN	CTK3	91-92	2	20		83	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN MẠNH	CTK3	56-57	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐĂNG TUYẾN	CTK3	89-90	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐẶNG THANH BÌNH	CTK3	87-88	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN KHÁC THIỆP	CTK3	94-95	2	13		55	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN TÊ	CTK3	80	1	14		73	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU KHUYỀN	CTK3	93	1	9		61	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NGHỊ	CTK3	74-75	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC ĐÔNG	CTK3	83-84	2	17		77	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN KIM	CTK3	69-70	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM HỒNG VŨ	CTK3	85-86	2	20		45	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	81	1	15	18	91	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM VĂN SAU	CTK3	79	1	6		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	20	33	325	1.372	65	0		THAO 2 CHO DE CHO HANG
TOTAL		20	33	325	1.372	65	0		
WEIGHT KG				325	1.372	65			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Pilot lấy đề manifest rồi

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+AMD	7:25	19+3	0+0		19+1	0+0	
2		GTCL+TD1	7:25	6+16	0+0		0+16	0+0	
3		BK8+RC10	7:25	17+5	0+0		4+5	0+0	
4		P2+TTC2	7:25	20+2	0+0		19+0	0+0	
5		RP2	9:25	22	0		22	0	
6		BK6+TD1	9:25	9+12	0+0		3+5	0+0	
7		CTCL+RP2	9:25	11+10	0+0		9+12	0+0	
8		P2+BK5	9:25	10+12	0+0		9+5	0+0	chuyen 1 P2-BK5
9		RC6+RC3+CLO	11:25	4+14+4	0+0+0		0+6+4	0+0+0	
10		BK8+P5	11:25	13+7	0+0		9+0	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày BK8-8ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/02/2024	TO: CLO - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.Cường - N.Nam	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN HUNG	CLO	92	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN SINH	CLO	91	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN TRUNG	CLO	93	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VAN ĐUỘC	CLO	96	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
5	CHU ĐỨC AI	CLO	90	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN QUANG HUY	CLO	97	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VAN BÓN	CLO	84	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ VĂN LONG	CLO	86	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN LY	CLO	88	1	5	70	61	KHOAN	Vietnamese
10	CAO VĂN VIỆT	CLO	95	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
11	NGHIEM XUAN VIỆT	CLO	94	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN QUANG THANH	CLO	85	1	15		60	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN MUỐI	CLO	98	1	11		62	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ NGỌC LUÂN	CLO	99	1	12		69	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM THANH TUNG	CLO	81	1	15		101	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ VĂN THIÊN	CLO	82-83	2	15		64	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN ĐÔNG	CLO	87	1	9		62	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ TRUNG KIÊN	CLO	700	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HAM HA	CLO	89	1	5		65	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN VAN CUONG	AMD	800	1	10		90	HA VIET	Vietnamese
21	NGUYEN ĐỨC LAM	AMD	01	1	10		66	HA VIET	Vietnamese
22	LÊ VĂN UT KÊ	AMD	02	1	10		68	HA VIET	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	19	20	144	1.334	70	19		
2	AMD	3	3	30	224	0	1		
TOTAL		22	23	174	1.558	70	20		
WEIGHT KG				174	1.558	70			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

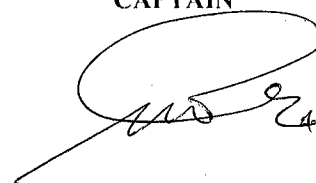
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 2	TO: GTC1 - TD1	CREW: ĐỨC - TĐông - HTNam - THỤ	ETA: 09:40
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM MINH HUNG	GTC1	77	1	11		82	GPWS	Vietnamese
2	PHẠM THANH LONG	GTC1	76	1	8		55	GPWS	Vietnamese
3	TRẦN QUỐC ĐẠI	GTC1	74-75	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRỊNH HỮU CÂN	GTC1	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIỀN QUY	GTC1	78	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ HOÀNG TÂN	GTC1					91	KH-THAC	Vietnamese
7	BADRETDINOV EDGAR	TD1	03	1	5		75	KHOAN	Russian
8	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	15	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	01	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THIỆU	TD1	08	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	13	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	05	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
14	MAI ANH TUÂN	TD1	14	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
15	BUI VĂN NINH	TD1	04	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC DŨNG	TD1	09	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN THUẬN VŨ	TD1	12	1	14		69	KHOAN	Vietnamese
18	VUÔNG VĂN THÔNG	TD1	11	1	20		68	YTE	Vietnamese
19	TRƯƠNG QUYẾT THẮNG	TD1	02	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN QUANG VŨ	TD1	10	1	16		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN GIA CUƠNG	TD1	16	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TRUNG	TD1	06-07	2	16		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	6	6	52	448	0	0		
2	TD1	16	16	138	1.158	0	16		
TOTAL		22	22	190	1.606	0	16		
WEIGHT KG				190	1.606	0			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: BK8 - RC10	CREW: HÙNG - M.Đức - DTùng	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH PHƯƠNG	BK8					73	KH-THAC	Vietnamese
2	YUSUPOV D.	BK8					73	KH-THAC	Russian
3	PHẠM THANH TÙNG	BK8				70	66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HUY	BK8	97	1	15	86	79	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH SƠN	BK8	92	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MINH HIẾU	BK8	98	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH DUNG	BK8					93	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN TUYẾT	BK8	93	1	15		75	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG HOÀN	BK8	94-95	2	17		86	DVL	Vietnamese
10	VŨ VĂN TOÀN	BK8					76	NIPI	Vietnamese
11	ĐẶNG THẾ ANH	BK8					67	NIPI	Vietnamese
12	TRẦN VĂN LINH	BK8	96	1	3		74	NIPI	Vietnamese
13	BUI ĐẮC CANH	BK8	58	1	5		68	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH TRUNG	BK8	64	1	5		74	NHATHAU	Vietnamese
15	NGUYỄN TẤT HOA	BK8					75	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HUY TIẾN HAI	BK8	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG SỸ NGỌC	BK8	91	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
18	CHU ĐỨC HÙNG	RC10	52-53	2	9		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TÂN	RC10	47	1	5	20	67	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN VƯỢNG	RC10	48	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
21	HÀ QUANG TRUNG	RC10	46	1	10	14	51	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI ĐỨC KHÁNH	RC10	50	1	9		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	17	11	87	1.249	156	4		
2	RC10	5	6	40	306	34	5		
TOTAL		22	17	127	1.555	190	9		
WEIGHT KG				127	1.555	190			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 4	TO: P2 - TTC2	CREW: VThắng - HTrung - Tú	ETA: 09:25
CAM-1			

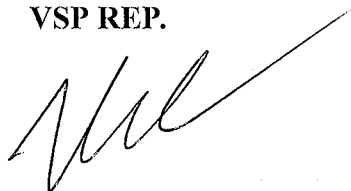
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2	31	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	36	1	6		75	YTE	Vietnamese
3	DUƠNG ĐỨC HIẾU	P2	28	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	DUƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	30	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM QUỐC HIẾN	P2	47	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2	34	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG MINH ĐỨC	P2	41	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG ANH HUNG	P2	37	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	44	1	2		79	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯU VĂN TÚ	P2	35	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VĂN HIẾU	P2	29	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
12	K LING	P2	46	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	27	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGUYỄN HOÀNG PHÚC	P2	43	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC HUY	P2	45	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIẾU	P2	40	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN QUYỀN	P2	32-33	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ HỮU LINH	P2	38	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	39	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	42	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	TTC2	37	1	14	17	72	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN CÔNG PHÚ	TTC2	36	1	8	35	76	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

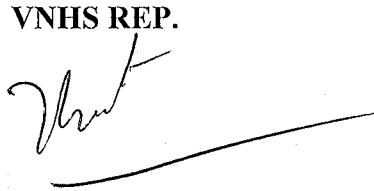
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	20	21	106	1.364	0	19		
2	TTC2	2	2	22	148	52	0		
TOTAL		22	23	128	1.512	52	19		
WEIGHT KG				128	1.512	52			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
FLIGHT: 5	TO: RP2	CREW: HUNG - M.Đức - DTùng	ETA: 11:50
TRANG - 2			

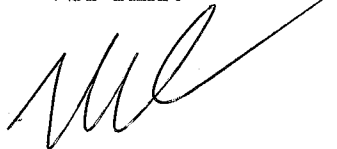
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHAILIMOV	RP2	02	1	15		93	KH-THAC	Russian
2	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	11	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN CÔNG HOÀNG	RP2	18	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	43	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	14-15	2	20		83	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN BÀ DUY	RP2	17	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TÂN TÀI	RP2	42	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	44	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀU HUY HOÀNG	RP2	07	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN LINH	RP2	16	1	4		61	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	06	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	46	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THIÊN PHƯỚC	RP2	10	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2	19,41	2	11		79	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT NHƯÔNG	RP2	09	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN NGON QUANG DUY	RP2	08	1	4		92	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ ĐỨC LONG	RP2	03	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ HỮU QUÂN	RP2	12	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ HOÀNG CẨM	RP2	45	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ LAM	RP2	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

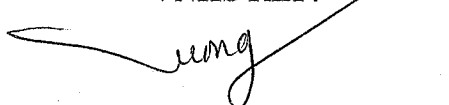
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	23	157	1.545	0	22		
	TOTAL	22	23	157	1.545	0	22		
	WEIGHT KG			157	1.545	0			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:10
FLIGHT: 6	TO: BK6 - TD1	CREW: ĐỨC - TĐông - HTNam - THỤ	ETA: 12:00
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC AN	BK6	69	1	7	40	70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN CÔNG THANH	BK6	63	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TUNG	BK6	64	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	BK6	77-78	2	16	40	60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	BK6	75-76	2	22		70	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐOÀN ĐÌNH DUNG	BK6	61-62	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH VINH	BK6	67-68	2	16		68	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG VĂN NGỌC	BK6	73-74	2	20		52	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐO VĂN CUÔNG	BK6	65-66	2	15		56	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ NGỌC TŨ	TD1	40	1	15		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	31	1	10		56	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC KHÔI	TD1	39	1	14		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC HUNG	TD1	37	1	10	15	89	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐO VĂN HIEU	TD1	36	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	TD1	34-35	2	13		52	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD1	30	1	14		69	ANTOAN	Vietnamese
17	TRẦN ANH VINH	TD1	27	1	7		60	DVL	Vietnamese
18	PHẠM THÈ THUẬN	TD1	28	1	4		71	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN SỸ	TD1	26	1	2		53	PSV	Vietnamese
20	LÊ XUÂN TÍNH	TD1	29	1	4		92	PSV	Vietnamese
21	ĐẠU VIỆT BÁC	TD1	32-33	2	16		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	9	15	125	588	80	3		
2	TD1	12	14	121	835	15	5		
TOTAL		21	29	246	1.423	95	8		
WEIGHT KG				246	1.423	95			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	TO: CTC1 - RP2	CREW: CHIẾN - N.Cường - N.Nam	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NGOC TUNG	CTC1	16	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN BINH LONG	CTC1	19-20	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN THUC	CTC1	12	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	LE ANH VU	CTC1	17	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VAN LY	CTC1	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TA VAN VIET	CTC1	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI SY HIEU	CTC1	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LUONG XUAN THANH	CTC1	21	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG NGOC LAN	CTC1	18	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN TRONG MANH	CTC1	15	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN VIET (1991)	CTC1	23	1	5		72	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN HAI	RP2	78	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG VINH	RP2	86	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VIET TRUONG	RP2	84	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	LUONG NGOC THANH	RP2	85	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG TAN	RP2	83	1	5	90	60	PSV	Vietnamese
17	LE MANH HUNG	RP2	82	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	HOANG VIET ANH	RP2	79	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	TRAN VAN MINH	RP2	80	1	5		90	PSV	Vietnamese
20	LUONG MANH HUONG	RP2	81	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	VU DINH TU	RP2	77	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	11	12	65	765	0	9		
2	RP2	10	10	50	694	90	12		
TOTAL		21	22	115	1.459	90	21		
WEIGHT KG				115	1.459	90			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/02/2024	TO: P2 - BK5	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - Tú	ETA: 11:45
CAM-2			

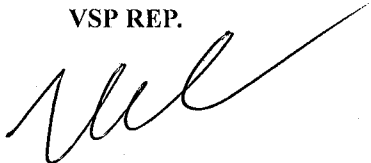
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	21	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ SINH TÂM	P2	25	1	8		95	KH-THAC	Vietnamese
3	TÀNG MẠNH HÀ	P2	23	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU HẠ	P2	24	1	10		52	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ NGỌC DŨNG	P2	20	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC DU	P2	22	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÌNH NGỌC QUÝ	P2	19	1	6		70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY HOANG	P2	18	1	7		76	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NAM	P2					55	PSV	Vietnamese
10	TRẦN VIỆT BÌNH	P2	26	1	7		61	PSV	Vietnamese
11	TRƯƠNG THẾ VINH	BK5	12	1	7	47	69	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ THANH HAI	BK5	600	1	10	50	66	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HOANG SANG	BK5	400	1	15		93	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ XUÂN TÂM	BK5	54	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ PHẠM THANH HUY	BK5	50,55	2	14		84	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG TUYẾN	BK5	99	1	14		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRỊNH QUANG HUY	BK5	04	1	7		72	NIPI	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN TRƯỞNG	BK5	66-67	2	11		78	NIPI	Vietnamese
19	THAI HAI HÀ	BK5	95-96	2	9		63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG THÀNH	BK5	97	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THUẬN	BK5	98	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN XUÂN HOÀ	BK5					72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

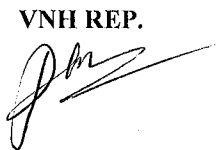
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	10	9	62	665	0	9	1	CHUYEN 1 PAX P2-BK5
2	BK5	12	14	111	882	97	5		
TOTAL		22	23	173	1.547	97	14		
WEIGHT KG				173	1.547	97			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	TO: RC6 - RC3 - CLO	CREW: Linh - MTHAO - HIẾU	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TRỌNG BÀI	RC6	60	1	15	35	70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	RC6	63-64	2	19		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐẠI KHOA	RC6	62	1	15		62	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ CHI CÔNG	RC6	61	1	11		52	KH-THAC	Vietnamese
5	LÂM TRỌNG ĐẠI	RC3	75-76	2	9		56	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ LÊ TRUNG	RC3	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG KHOA	RC3	300	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ KHANH NAM	RC3	96	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN HAI VIỆT	RC3	94	1	7		96	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HOANG HÙNG	RC3	98-99	2	19		83	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN THÀNH	RC3	78	1	6	18	86	CODIEN	Vietnamese
12	DUƠNG HỮU THUẬN	RC3	77	1	6		63	CODIEN	Vietnamese
13	TRƯƠNG VĂN CÔNG	RC3	82-83	2	20		77	VIỆT A CH	Vietnamese
14	HOÀNG TUẤN CƯỜNG	RC3	92-93	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẦN ĐỨC NGUYỄN	RC3	91	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ NGỌC HÙNG	RC3	97	1	8		56	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THIANH BÌNH	RC3	79	1	12	75	70	PVGAS	Vietnamese
18	PHẠM BA SINH	RC3	80-81	2	13		71	PVGAS	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG SƠN	CLO	05	1	7		72	DVL	Vietnamese
20	NGÔ VĂN THANH	CLO	08-09	2	14		67	PSV	Vietnamese
21	LÊ MINH MINH	CLO	06	1	5		68	PSV	Vietnamese
22	LẠI ĐÌNH HAI	CLO	07	1	7		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	4	5	60	247	35	0		
2	RC3	14	19	139	1.006	93	6		
3	CLO	4	5	33	287	0	4		
TOTAL		22	29	232	1.540	128	10		
WEIGHT KG				232	1.540	128			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/02/2024	TO: BK8 - P5	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - MQUÂN	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM TRUNG HIEU	BK8	92-93	2	17		79	KH-THAC	Vietnamese
2	VÔ TRỌNG NHIÊN	BK8	71	1	11		55	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN DUY KHANH	BK8	90-91	2	16		77	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN MINH HƯƠNG	BK8	73-74	2	12	50	61	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐUNG	BK8	72	1	15		58	DVL	Vietnamese
6	VÔ CHI THANH	BK8	75-76	2	19		70	DVL	Vietnamese
7	PHAN MINH QUÂN	BK8	97-98	2	20		71	DVL	Vietnamese
8	TRƯỜNG TÂN LỢI	BK8	70	1	12		81	XAYIAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN ĐẠT	BK8	79-80	2	12		62	XAYIAP	Vietnamese
10	HA XUAN THANH	BK8	81-82	2	16	35	76	XAYIAP	Vietnamese
11	PHAN NGOC TUAN ANH	BK8	88-89	2	19		80	XAYIAP	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG TRUNG	BK8	86-87	2	13		76	XAYIAP	Vietnamese
13	NGUYEN KHAC SON	BK8	83-85	3	21		88	XAYIAP	Vietnamese
14	ĐÀO ĐỨC THAI	P5	10	1	10	20	94	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THE HANH	P5	05-06	2	12	40	68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUY TAI	P5	08	1	12		56	KH-THAC	Vietnamese
17	VU VAN LINH	P5	03-04	2	19		69	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TRỌNG SƠN	P5	07	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
19	HA VAN CANH	P5	01-02	2	18		61	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO XUAN THANH	P5	11	1	3		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	13	24	203	934	85	9		Removed 2 seats for loading cargo
2	P5	7	10	81	493	60	0		
TOTAL		20	34	284	1.427	145	9		
WEIGHT KG				284	1.427	145			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Leten VSP 1